

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/KDTM-ST

Ngày: 30/12/2021

V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Minh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Thanh Nhàn

2. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Luân, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Gia Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2020/TLST-KDTM ngày 22/10/2020 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2021/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 181/2021/QĐST-KDTM ngày 03 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải T.

Địa chỉ trụ sở: Tổ X, ấp , xã Y, huyện Z, tỉnh K.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Ngô Thị H, sinh năm X, địa chỉ: Tổ X, ấp , xã Y, huyện Z, tỉnh K theo Giấy ủy quyền số 10/UQ-TT ngày 26/10/2020. (Có mặt)

2. Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại Phát triển Xây dựng H.

Địa chỉ trụ sở chính: Số X đường Y, Phường Z, quận G, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà Nguyễn Thanh V, sinh năm Y. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Ngô Thị H trình bày:

Ngày 26/4/2019, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải T (sau đây gọi tắt là Công ty T) có ký Hợp đồng mua bán số 061/19/HĐMB-TT để bán vật liệu xây dựng cho Công ty TNHH Thương mại Phát triển Xây dựng H (sau đây gọi tắt là Công ty H) để thực hiện dự án công trình tại tỉnh Đồng Nai, trị giá hợp đồng là 1.355.089.226 đồng. Nhưng Công ty H mới thanh toán được cho Công ty T số tiền 206.729.021 đồng, còn nợ số tiền 1.148.360.205 đồng. Đồng thời, phía Công ty H đã có xác nhận nợ ngày 14/9/2019 nhận nợ số tiền mua hàng là 1.148.360.205 đồng và tiền lãi chậm thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế theo hợp đồng mua bán hàng hóa hai bên đã cam kết. Công ty T đã nhiều lần nhắc nhở bằng nhiều hình thức khác nhau nhưng Công ty H vẫn không trả nợ. Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty H phải trả số tiền nợ gốc là 1.148.360.205 đồng và tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận là 0,5%/ngày trên số tiền nợ chưa trả, tạm tính đến ngày 29/9/2020 là 2.342.298.244 đồng. Tuy nhiên, ngày 18/12/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi do thỏa thuận về lãi suất giữa hai bên là cao hơn so với lãi suất tiền vay tại thời điểm phát sinh công nợ, nên chỉ yêu cầu mức lãi suất 10,3%/năm trên số nợ chưa trả, tính đến ngày 30/12/2021 là 283.854.670 đồng. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán là 1.432.214.875 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi trên số tiền gốc chậm thanh toán sau ngày 30/12/2021.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Công ty TNHH Thương mại Phát triển Xây dựng H phải trả cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải T số tiền 1.432.214.875 đồng tiền hàng chưa thanh toán theo hợp đồng đã ký ngày 26/04/2019 và chịu mức lãi suất trung bình theo quy định tại Điều 306 luật thương mại năm 2005. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ gốc sau ngày xét xử. Bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải T khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Thương mại Phát triển Xây dựng H phải trả số tiền mua hàng là 1.148.360.205 đồng và tiền lãi chậm thanh toán nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Bị đơn Công ty TNHH Thương mại Phát triển Xây dựng H có trụ sở chính tại quận Gò Vấp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn và người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

3. Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn phải trả số tiền mua hàng là 1.148.360.205 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Hợp đồng mua bán số 061/19/HĐMB-TT ngày 26/4/2019 thể hiện Công ty T có ký hợp đồng để bán vật liệu xây dựng cho Công ty H. Thực hiện hợp đồng, Công ty T đã giao hàng của Công ty H theo hóa đơn số 0000127 ngày 30/6/2019 số tiền hàng là 519.615.096 đồng; Hóa đơn số 0000195 ngày 31/7/2019 số tiền hàng 587.055.102 đồng và Hóa đơn số 0000288 ngày 31/8/2019 số tiền hàng 41.690.007 đồng.

Căn cứ Giấy nhận nợ và cam kết thanh toán ngày 14/9/2019 thể hiện Công ty H xác nhận nợ số tiền mua hàng còn thiếu Công ty T là 1.148.360.205 đồng và cam kết thanh toán đợt đầu vào ngày 30/11/2019, sau đó mỗi tháng sẽ thanh toán một lần vào ngày 30 hàng tháng, mỗi lần từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên đến nay Công ty H không thanh toán cho nguyên đơn theo đúng thỏa thuận là vi phạm quy định tại Điều 50, Điều 55 Luật thương mại.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối về số

tiền nợ mà nguyên đơn yêu cầu, không cung cấp cho Tòa án chứng cứ đã thanh toán số tiền trên.

Do đó xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền mua hàng còn thiếu là 1.148.360.205 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền trả lãi chậm thanh toán, tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu tính lãi số tiền 283.854.670 đồng, với mức lãi suất là 10,3%/năm tính từ ngày 31/7/2019 cho đến ngày 30/12/2021 số tiền là 283.854.670 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, như đã phân tích ở trên, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận. Yêu cầu trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất 10,3%/năm của nguyên đơn là phù hợp với mức lãi suất liên ngân hàng tại thời điểm xét xử và phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật thương mại nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.148.360.205 đồng, tiền lãi từ ngày 31/7/2019 đến 30/12/2021 là 283.854.670 đồng. Tổng cộng là 1.432.214.875 đồng, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn không yêu cầu tiếp tục tính lãi chậm thanh toán sau ngày 30/12/2021 là hoàn toàn tự nguyện, có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi là 2.044.677.180 đồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

3. Về án phí:

Căn cứ quy định của Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Công ty H phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 54.966.446 đồng.

Yêu cầu của Công ty T được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Hoàn trả lại tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn là 50.906.584 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0027418 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 50, Điều 55, Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội Đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc Công ty TNHH Thương mại Phát triển Xây dựng H trả cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải T số tiền 1.432.214.875 đồng, trong đó tiền gốc là 1.148.360.205 đồng, tiền lãi tính đến ngày 30/12/2021 là 283.854.670 đồng), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu tiếp tục tính lãi chậm thanh toán sau ngày 30/12/2021.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi là 2.044.677.180 đồng.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH Thương mại Phát triển Xây dựng H phải chịu án phí kinh doanh thương mại là 54.966.446 đồng.

Hoàn trả lại tiền tạm nộp án phí là 50.906.584 đồng cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải T theo biên lai thu số AA/2019/0027418 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

4. Về quyền kháng cáo:

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH Thương mại Phát triển Xây dựng H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Loan